TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2024.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐ-ST, ngày 3/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm L, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
- Bị đơn: Ông Lê Chí T , sinh năm 1990
Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024 nguyên đơn bà Lê Thị Diễm L trình bày: Vào năm 2013 bà L và ông T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay không hàn gắn lại được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Chí T. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Tâm N, sinh ngày 29/9/2014 và cháu

Lê Thị Như T1, sinh ngày 11/10/2016 hiện hai con chung đang sống với ông T. Nay về con chung bà L thống nhất để ông T tiếp tục nuôi 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Lê Chí T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung giao cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Thị Tâm N, sinh ngày 29/9/2014 và cháu Lê Thị Như T1, sinh ngày 11/10/2016 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng*:* Đối với nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Còn bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà L và ông T theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*:

Bà Lê Thị Diễm L và ông Lê Chí T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2026 theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay mà không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông T và bà L không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông T và bà L đã có với nhau 02 con chung là cháu Lê Thị Tâm N, sinh ngày 29/9/2014 và cháu Lê Thị Như T1, sinh ngày 11/10/2016 hiện hai cháu đang sống chung với ông T. Nay về con chung bà L thống nhất để ông T tiếp tục nuôi 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay hai cháu N và T1 đang sống với ông T, bà L cũng thống nhất để hai cháu tiếp tục sống với ông T vì vậy cần tiếp tục để cháu N và T1 được tiếp tục sống với ông T và giao 02 cháu cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con*: Do ông T không yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà L.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Diễm L.

- *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị Diễm L được ly hôn với ông Lê Chí T.

- *Về con chung*: Ông T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Thị Tâm N, sinh ngày 29/9/2014 và cháu Lê Thị Như T1, sinh ngày 11/10/2016 cho đến khi cháu N và cháu T1 đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho bà L không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do ông T không yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà L.

- *Về tài sản chung*: Không có**.**

- *Về nợ chung:* Không có

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0004576, ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải